TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Hưng

Ông Nguyễn Quang Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 166/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24/10/2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐST–HNGĐ, ngày 24/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1997

Trú tại: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Thanh N, sinh năm 1993

Trú tại: Xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn Chị Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn và chung sống với Anh Bùi Thanh N từ năm 2019, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, tuy nhiên đến tháng 10 năm 2021 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Phú Bình. Trước khi cưới hai bên có được tìm hiểu và đến với nhau tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng ở chung với bố mẹ anh N tại xóm Bầu 2, xã Văn Yên, huyện

Đại Từ.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, không hợp nhau và thường xuyên cãi vã, anh N còn có hành vi đánh, chửi chị. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm hai bên không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Bùi Gia H, sinh ngày 29/12/2021. Hiện nay cháu Huy đang ở cùng mẹ và do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về công sức đóng góp trong gia đình: Chị không có yêu cầu, đề nghị gì.

Bị đơn Anh Bùi Thanh N trong quá trình giải quyết trình bày: Anh N kết hôn với Chị Dương Thị H vào năm 2021, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Phú Bình. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H nghe lời chị gái và bố mẹ, áp đặt cho cuộc sống gia đình. Đến nay anh N vẫn còn tình cảm và mong vợ chồng có thể hòa giải về đoàn tụ để cuộc sống gia đình được hạnh phúc.

Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Gia H, sinh ngày 29/12/2021. Trường hợp phải ly hôn anh N có nguyện vọng được nuôi con. Về việc cấp dưỡng nuôi con: anh N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng anh N không có mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được đồng thời chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn đối với anh N, vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N và nuôi con chung là Bùi Gia H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của mình còn bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt,

không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Dương Thị H, cho chị H được ly hôn Anh Bùi Thanh N. Về con chung: Giao con chung Bùi Gia H, sinh ngày 29/12/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước và được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, bị đơn Anh Bùi Thanh N cư trú tại xóm Bầu 2, xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa, bị đơn Anh Bùi Thanh N vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục phiên tòa đối với bị đơn Anh Bùi Thanh N nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh Bùi Thanh N.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và Anh Bùi Thanh N kết hôn năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị H, anh N cùng xác định quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về làm ăn kinh tế và quan hệ gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay chị H và anh N đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không liên hệ gì với nhau. Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên kiên quyết xin ly hôn với anh N. Anh N quá trình giải quyết đã trình bày có nguyện vọng vợ chồng hoà giải để về đoàn tụ với nhau, tuy nhiên tại phiên hoà giải anh N vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của

chị H, cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H, anh N cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Gia H, sinh ngày 29/12/2021. Quá trình giải quyết vụ án cả chị H và anh N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Bùi Gia H, sinh ngày 29/12/2021, thuộc trường hợp con chung dưới 36 tháng tuổi, bản thân chị H cũng có đủ điều kiện để đảm bảo cho việc nuôi con, do vậy căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, để đảm bảo quyền lợi của cháu Huy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Bùi Gia H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh N cùng xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Chị H, anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội,quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Dương Thị H, cho Chị Dương Thị H được ly hôn Anh Bùi Thanh N.

2. Về con chung: Giao cho Chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Gia H, sinh ngày 29/12/2021 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Anh Bùi Thanh N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết, anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Chị Dương Thị H và Anh Bùi Thanh N đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0004049, ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn (Chị Dương Thị H), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn (Anh Bùi Thanh N), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Giang

,